TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2026
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Trang.
2. Ông Phạm Quốc Toàn.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2026/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị K, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: ấp B, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: số nhà H, ấp B, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

(Chị Trần Thị K, anh Nguyễn Xuân P: vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày:

Chị và anh P tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 10/02/2009. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Trước đây, anh P đã nộp đơn xin ly hôn nhưng vì thương các con nên chị xin hàn gắn. Tuy nhiên, chị và anh P không thể giải quyết được mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình và đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Chị và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 08/10/2010 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 01/9/2017, hiện hai con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: chị K khai không có.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Xuân P vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của chị Trần Thị K.

Tại phiên tòa:

Chị Trần Thị K vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Anh Nguyễn Xuân P vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

Về thủ tục: Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 239, 243, 247, 248, 249, 258, 260 Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng, đầy đủ quy định tại Điều 237 Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Hội đồng xét xử, Thư ký không vi phạm quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia các phiên họp, hòa giải, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS vụ án vẫn được tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị K.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Xuân P.

Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 08/10/2010 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 01/9/2017 cho chị Trần Thị K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ghi nhận chị Trần Thị K không yêu cầu anh Nguyễn Xuân P cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, chị có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị K trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị K phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: Chị Trần Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Xuân P; anh P có nơi cư trú tại xã G, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị K vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; riêng bị đơn anh P mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Xuân P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 10/02/2009. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị K và anh Nguyễn Xuân P là hợp pháp. Chị K yêu cầu được ly hôn với anh P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị K cho rằng, từ đầu năm 2025, do bất đồng quan điểm nên chị và anh P thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Trước đó, anh P đã nộp đơn xin ly hôn nhưng do chị thương các con chung nên cố gắng hàn gắn, anh P rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó anh chị không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hai

bên đã sống ly thân hơn một năm nay. Trong quá trình tố tụng, chị K cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu xét xử vắng mặt. Đồng thời, anh P mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia các phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa thể hiện việc không có thiện chí hàn gắn. Vì vậy, có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị K là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: chị K và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 08/10/2010 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 01/9/2017, đang sống với chị K. Chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi con, anh P không tranh chấp. Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên, con chung tên Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Thị Bảo N đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị K. Để ổn định về tâm lý, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống cho con chung sau khi cha mẹ ly hôn nên việc giao hai con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết. Do đó, xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung: ghi nhận chị K tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Chị K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị K phải nộp số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị K.

1. Về hôn nhân: chị Trần Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Xuân P.

2. Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 08/10/2010 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 01/9/2017 cho chị Trần Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị Trần Thị K tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Xuân P cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, chị K có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị K khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị K khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị K phải nộp số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000681 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long. Do đó, án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Trần Thị K đã nộp xong.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Giồng Trôm, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phượng Tường